

**UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1212 /SNN-QLCT

Quảng Trị, ngày 10 tháng 7 năm 2020

V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình: Nâng cấp đường ranh cản lửa năm 2020 thuộc Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020.

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã nhận Tờ trình số 72/TTr-CCKL ngày 30/6/2020 của Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị về việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế - dự toán công trình: Nâng cấp đường ranh cản lửa năm 2020, nguồn vốn Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Quảng Trị (*kèm theo hồ sơ trình thẩm định*).

Căn cứ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông Nghiệp và PTNT;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 17/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt dự án đầu tư Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Nâng cấp đường ranh cản lửa năm 2020, Dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-CCKL ngày 25/6/2020 của Chi cục Kiểm lâm về việc phê duyệt chỉ định thầu nhà thầu tư vấn khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Nâng cấp đường ranh cản lửa năm 2020, Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán do Công ty TNHH MTV Phát triển nông lâm Quảng Trị lập gửi kèm Tờ trình thẩm định.

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo kết quả thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình với nội dung sau:

I. Các nội dung chủ yếu của công trình:

1. **Tên công trình:** Nâng cấp đường ranh cản lửa năm 2020.
2. **Loại, cấp công trình:** Công trình Nông nghiệp và PTNT, Công trình Lâm nghiệp (lâm sinh), cấp IV.
3. **Chủ đầu tư:** Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị
4. **Dự toán xây dựng công trình (Tờ trình): 980.000.000 đồng.**
5. **Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.
6. **Hình thức đầu tư:** Nâng cấp
7. **Địa điểm xây dựng:** Tại xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh; xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong; xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị; xã Hải Lâm và xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.
8. **Nhà thầu khảo sát, lập thiết kế và dự toán xây dựng:** Công ty TNHH MTV Phát triển nông lâm Quảng Trị.

9. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Nâng cấp các tuyến đường ranh cản lửa đã xuống cấp, gián đoạn nhằm tạo ra hệ thống liên hoàn phục vụ phòng cháy, chữa cháy, phòng trừ sâu bệnh hại, đi lại tuần tra canh gác bảo vệ rừng trong khu vực; huy động được lực lượng, điều chuyển được phương tiện máy móc chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra.

10. Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cấp bách cho các dự án phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ rừng năm 2019.

11. Nội dung và quy mô công trình:

Tổng chiều dài các tuyến đường ranh cản lửa đưa vào nâng cấp năm 2020: 49.000 m, gồm 16 tuyến. Trong đó:

- Tuyến 1: Có chiều dài 5.360 m, xuất phát từ mốc số 1, có tọa độ điểm đầu X: 1.882.635; Y: 562.308; đi trên nền đường ranh cũ, hướng từ Đông sang Tây xuống Tây Nam, trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Bến Hải tại tiểu khu 555, xã Vĩnh Hà, đến tọa độ X: 1.882.486, Y: 559.583 đổi hướng về Đông Nam đi theo giồng chính trên nền đường ranh cũ. Kết thúc tại mốc số 2 thuộc tiểu khu 556, xã Vĩnh Hà; có tọa độ điểm cuối X: 1.881.365; Y: 560.312.

- Tuyến 2: Có chiều dài 4.780 m, xuất phát từ mốc số 3, giáp với tuyến đường Vĩnh Hà đi Vĩnh Ô, tại tiểu khu 560, có tọa độ điểm đầu X: 1.877.609; Y: 565.843; đi theo nền đường ranh cũ hướng từ Tây Bắc xuống Đông Nam, trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Bến Hải tại tiểu khu 574, xã Vĩnh Hà; đến tọa độ X: 1.876.639, Y: 568.097 đổi sang hướng Tây Nam đi theo đường ranh cũ. Kết thúc tại mốc số 4 thuộc tiểu khu 560, xã Vĩnh Hà; có tọa độ điểm cuối X: 1.875.700; Y: 566.934.

- Tuyến 3: Có chiều dài 1.740 m, xuất phát từ mốc số 5, có tọa độ điểm đầu X: 1.875.695; Y: 566.817, giáp khe nhỏ; đi theo đường ranh cũ hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Bến Hải, tại tiểu khu 574, xã Vĩnh Hà. Kết thúc tại mốc số 6 thuộc tiểu khu 574, giáp ranh

giới tiểu khu 560; có tọa độ điểm cuối X: 1.1.875.209; Y: 565.524.

- Tuyến 4: Có chiều dài 2.120 m, xuất phát từ mốc số 7, có tọa độ điểm đầu X: 1.865.175; Y: 558.439, đi theo đường ranh cũ hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Bến Hải, tại tiểu khu 574, xã Vĩnh Hà, trên nền đường ranh cũ. Kết thúc tại mốc số 8 thuộc tiểu khu 596, xã Vĩnh Hà; có tọa độ điểm cuối X: 1.873.288; Y: 564.682.

- Tuyến 5: Có chiều dài 2.220 m, xuất phát từ mốc số 9, có tọa độ điểm đầu X: 1.850.876; Y: 586.615, đi theo nền đường ranh cũ hướng từ Bắc xuống Nam, trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, tại tiểu khu 800, 801, xã Triệu Ái. Kết thúc tại mốc số 10 thuộc tiểu khu 801, trên ranh giới tiểu khu 800 và 801, xã Triệu Ái; có tọa độ điểm cuối X: 1.849.539; Y: 587.078.

- Tuyến 6: Có chiều dài 1.100 m, xuất phát từ mốc số 11, có tọa độ điểm đầu X: 1.849.729; Y: 585.134; đi theo nền đường ranh cũ hướng từ Đông Nam lên Tây Bắc trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, tại tiểu khu 801, 802, xã Triệu Ái. Kết thúc tại mốc số 12, thuộc tiểu khu 802, giáp với khe nước, ranh giới tiểu khu 781 và 801, 802, xã Triệu Ái; có tọa độ điểm cuối X: 1.850.409; Y: 584.471.

- Tuyến 7: Có chiều dài 1.100 m, xuất phát từ mốc số 13, có tọa độ điểm đầu X: 1.849.474; Y: 584.661, tại khe nhỏ; đi theo nền đường ranh cũ hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, tại tiểu khu 802, xã Triệu Ái. Kết thúc tại mốc số 14, thuộc tiểu khu 802; có tọa độ điểm cuối X: 1.848.906; Y: 583.908.

- Tuyến 8: Có chiều dài 2.250 m, xuất phát từ mốc số 15, có tọa độ điểm đầu X: 1.847.988; Y: 583.463, tại khe nhỏ; đi theo nền đường ranh cũ hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, tại tiểu khu 802, xã Triệu Ái. Kết thúc tại mốc số 16, thuộc tiểu khu 804, xã Triệu Ái; có tọa độ điểm cuối X: 1.846.409; Y: 582.653.

- Tuyến 9: Có chiều dài 1.550 m, xuất phát từ mốc số 17, có tọa độ điểm đầu X: 1.842.923; Y: 593.667, đi theo nền đường ranh cũ hướng từ Tây sang Đông trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, tại tiểu khu 832, xã Hải Lệ. Kết thúc tại mốc số 18; có tọa độ điểm cuối X: 1.842.881; Y: 594.852.

- Tuyến 10: Có chiều dài 2.100 m, xuất phát từ mốc số 19, có tọa độ điểm đầu X: 1.842.363; Y: 598.531, tại ranh giới xã Hải Lâm và Hải Lệ, đi theo nền đường ranh cũ hướng từ Tây sang Đông trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, tại tiểu khu 814B, xã Hải Lâm. Kết thúc tại mốc số 20; có tọa độ điểm cuối X: 1.842.066; Y: 600.232 gần đến mép sông Nhùng.

- Tuyến 11: Có chiều dài 620 m, xuất phát từ mốc số 19, có tọa độ điểm đầu X: 1.842.223; Y: 599.417, điểm nối với tuyến số 10, đi theo nền đường ranh cũ hướng từ Tây sang Đông trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, tại tiểu khu 814B, xã Hải Lâm. Kết thúc tại mốc số 22; có tọa độ điểm cuối X: 1.842.477; Y: 599.957, trên ranh giới của Công ty.

- Tuyến 12: Có chiều dài 1.650 m, xuất phát từ mốc số 23, có tọa độ điểm đầu X: 1.841.274; Y: 597.733, trên ranh giới xã Hải Lệ và xã Hải Lâm, đi theo

giông chính trên nền đường ranh cũ, hướng từ Tây sang Đông trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, tại tiểu khu 814B, xã Hải Lâm. Kết thúc tại mốc số 24; có tọa độ điểm cuối X: 1.841.436; Y: 599.145, trên ranh giới của Công ty.

- Tuyến 13: Có chiều dài 2.720 m, xuất phát từ mốc số 25, có tọa độ điểm đầu X: 1.840.291; Y: 594.714, trên đỉnh động Ông Đò, ranh giới Ban quản lý RPH LVS Thạch Hãn và Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, tại tiểu khu 835A, xã Hải Lâm; đi theo giông chính trên nền đường ranh cũ, hướng từ Nam lên Bắc trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, đến tọa độ X: 1.841.459, Y: 595.173 đổi về hướng Đông Nam. Kết thúc tại mốc số 26; có tọa độ điểm cuối X: 1.840.668; Y: 595.988, đoạn nối với tuyến 14.

- Tuyến 14: Có chiều dài 2.690 m, xuất phát từ mốc số 27, có tọa độ điểm đầu X: 1.839.988; Y: 595.098, trên đỉnh động Ông Đò, ranh giới Ban quản lý RPH LVS Thạch Hãn và Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, tại tiểu khu 835A, xã Hải Lâm; đi theo giông chính trên nền đường ranh cũ, hướng từ Tây Nam lên Đông Bắc trong khu rừng trồng của Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải, đến tọa độ X: 1.840.742, Y: 596.085 đổi về hướng Đông Nam. Kết thúc tại mốc số 28; có tọa độ điểm cuối X: 1.840.345; Y: 597.198, đoạn nối với tuyến 14.

- Tuyến 15: Có chiều dài 11.200 m, xuất phát từ mốc số 29, có tọa độ điểm đầu X: 1.839.767; Y: 595.517, trên ranh giới Ban quản lý RPH LVS Thạch Hãn và Công ty Lâm nghiệp Triệu Hải gần đỉnh động Ông Đò, tại tiểu khu 843, xã Hải Lâm; đi theo giông chính trên nền đường ranh cũ, hướng từ Đông Nam lên Đông Bắc trong khu rừng trồng của Ban quản lý RPH LVS Thạch Hãn, đến tọa độ X: 1.841.466, Y: 594.174 đổi về hướng Tây trên nền đường ranh cũ. Kết thúc tại mốc số 30; có tọa độ điểm cuối X: 1.841.251; Y: 588.325. Có một số đoạn ngắn đi qua gần mép các lô rừng tự nhiên phục hồi, nhưng đây là các tuyến đường cản lửa cũ, và trên bản đồ hiện trạng rừng năm 2019 đường đã thể hiện, được trừ bỏ ra ngoài lô rừng.

- Tuyến 16: Có chiều dài 5.800 m, xuất phát từ mốc số 29, có tọa độ điểm đầu X: 1.834.427; Y: 600.628, trên ranh giới Ban quản lý RPH LVS Thạch Hãn giáp với tại tiểu khu 853S, xã Hải Lâm, giáp với tỉnh Thừa Thiên Huế; đi theo giông chính trên nền đường ranh cũ, hướng từ Đông sang Tây trong khu rừng trồng của Ban quản lý RPH LVS Thạch Hãn. Kết thúc tại mốc số 32, thuộc tiểu khu 853S; có tọa độ điểm cuối X: 1.833.329; Y: 596.073.

II. Kết quả thẩm định thiết kế

1. Sự cần thiết đầu tư:

Các tuyến bố trí thi công nâng cấp đường ranh cản lửa năm 2020 tại các xã Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh, xã Triệu Ái, huyện Triệu Phong, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, xã Hải Lâm, xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng trong ranh giới quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Thạch Hãn, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải và Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Triệu Hải, nằm trong các khu vực rừng trồng tập trung có diện tích lớn là vùng trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng vào mùa khô. Do địa hình có độ dốc lớn, qua nhiều năm sử dụng đến

nay các tuyến đường ranh này đã bị xuống cấp, hư hỏng nặng, tình trạng nền đường và mặt đường bị mưa lũ cuốn trôi tạo thành các rãnh lớn trên bề mặt, có nhiều đoạn bị nước cuốn trôi làm chia cắt, gián đoạn, thực bì phát triển mạnh xâm lấn hết bề mặt đường ranh. Với hiện trạng như vậy, các tuyến đường ranh không đáp ứng được yêu cầu của công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, di chuyển phương tiện thiết bị chữa cháy, ngăn chặn sâu bệnh hại rừng, cũng như khó khăn cho công tác tuần tra, canh gác bảo vệ rừng, phát triển rừng trong khu vực. Do đó việc đầu tư nâng cấp các tuyến đường ranh cảnh lửa nói trên là hết sức cần thiết.

2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

- Chiều rộng đường ranh cảnh lửa: Thiết kế rộng 8,0 m và thi công đai trắng toàn diện, độ dốc mặt đường $i=2,5\%$.

- San đào cơ giới kết hợp thủ công: Chiều dày san đào trung bình 12 - 15 cm. Sử dụng máy ủi để đào, san gạt, lấp hầm hố, mô ụ kết hợp với nhân công chỉnh sửa tại các vị trí cục bộ mặt đường và hai bên lề đường trên toàn tuyến.

3. *Năng lực của tư vấn khảo sát, thiết kế:* Công ty TNHH MTV Phát triển nông lâm Quảng Trị đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật.

4. *Các yếu tố ảnh hưởng đến công trình như khu di tích lịch sử, văn hóa hoặc liên quan đến tín ngưỡng cộng đồng dân cư trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan:* không.

5. *Các vấn đề rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện làm ảnh hưởng đến kết quả đầu tư:* không

III. Kết quả thẩm định dự toán:

1. Việc áp dụng định mức, đơn giá, chế độ, chính sách và các khoản mục chi phí theo quy định của Nhà nước có liên quan đến các chi phí tính trong dự toán: đã phù hợp.

2. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **980.000.000 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Trong đó:

ĐVT: đồng

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị đề nghị	Giá trị thẩm định	Tăng, giảm (+/-)
1	Chi phí xây dựng	902.292.000	902.472.000	+180.000
2	Chi phí QLDA	19.194.000	19.198.000	+4.000
3	Chi phí tư vấn	51.762.000	51.768.000	+6.000
4	Chi phí khác	6.752.000	6.562.000	-190.000
	Tổng cộng	980.000.000	980.000.000	0

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: Cập nhật lại giá nhiên liệu, điều chỉnh lại hệ số nhân công khu vực và hệ số khoản mục chi phí khác để đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

IV. Kết luận:

- Hồ sơ cơ bản đáp ứng quy định, đủ điều kiện xem xét phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình theo quy định hiện hành.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo kết quả thẩm định hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình, kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt để Chủ đầu tư có cơ sở triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo thủ tục đầu tư xây dựng theo đúng quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLCT.

GIÁM ĐỐC**Hồ Xuân Hòa**

TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP ĐƯỜNG RANH CẢN LỬA NĂM 2020

(Kèm theo Văn bản số 1212 /SNN-QLCT ngày 10 /7/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

ĐVT: đồng

TT	KHOẢN MỤC KINH PHÍ	KH	CÁCH TÍNH	CHI PHÍ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	CHI PHÍ SAU THUẾ
1	Chi phí xây dựng	G_{XD}	Bảng tính	820.429.000	82.043.000	902.472.000
2	Chi phí Quản lý dự án	G_{QLDA}	2,34%*G _{XD}	19.198.000		19.198.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	G_{TV}	TV1 + TV2 + TV3	47.061.000	4.707.000	51.768.000
3.1	Chi phí khảo sát	TV1	QĐ số 1507/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh	5.578.000	558.000	6.136.000
3.1	Chi phí tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công	TV2		20.168.000	2.017.000	22.185.000
3.2	Chi phí giám sát thi công (TT16/2019/TT-BXD)	TV3	G _{XD} x 2,598%	21.315.000	2.132.000	23.447.000
4	Chi phí khác	G_K	G _{K1} + G _{K2}	6.562.311		6.562.000
4.1	Chi phí thẩm định thiết kế, dự toán	G _{K1}	G _{K1.1} +G _{K1.2}	976.311		976.000
-	Chi phí thẩm định thiết kế	G _{K1.1}	TMĐT x 0,121% x 0,5	496.360		496.000
-	Chi phí thẩm định dự toán	G _{K1.2}	TMĐT x 0,117% x 0,5	479.951		480.000
4.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (TT10/2020/TT-BTC)	G _{K2}	DTXD x 0,266%	5.586.000		5.586.000
	TỔNG CỘNG:		1+2+3+4			980.000.000

(Bảng chữ: Chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn)